

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT
DANH MỤC CÁC HÌNH, BẢNG.....
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	1
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	1
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	3
4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu	3
4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở	3
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	3
5.1 Các hạng mục công trình của Cửa hàng	3
5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	4
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	6
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	6
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	6
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,.....	8
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	8
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	8
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	8
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	8
1.3. Xử lý nước thải	8
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	10
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	10
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	11
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	11
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	11

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ	11
6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu.....	12
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	16
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	16
1.1. Nước thải sinh hoạt	16
1.2. Nước thải (nước mưa chảy tràn trên sân đường có dầu rơi vãi).....	16
2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải	17
3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung	17
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	18
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí và tiếng ồn	18
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	20
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	20
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	20
2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	20
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:	20
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường, báo cáo công tác BVMT hàng năm	20
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	21
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	22
PHỤ LỤC BÁO CÁO	23

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BCT	Bộ Công thương
2	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
3	BVMT	Bảo vệ môi trường
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CTR	Chất thải rắn
7	NĐ-CP	Nghị định Chính phủ
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
10	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
11	UPSCTD	Ứng phó sự cố tràn dầu

DANH MỤC CÁC HÌNH, BẢNG

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của Cửa hàng	2
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở	3
Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục của cơ sở	4
Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại.....	11
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn ô nhiễm.....	16
Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2023	18
Bảng 5.2. Kết quả giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn năm 2023	18

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Thương mại Thạch Hãn.
- Địa chỉ văn phòng: 25 Nguyễn Du, Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Hoàng Khắc Hùng - Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0233. 3861563
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 3200042531 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, đăng lý lần đầu ngày 01/6/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/6/2023.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Số 1.
- Địa điểm cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Số 1 được xây dựng tại 124 Lê Duẩn, phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, có ranh giới tiếp giáp như sau:
 - + Phía Đông giáp Công an thị xã Quảng Trị;
 - + Phía Tây giáp đường dân sinh;
 - + Phía Nam giáp nhà dân;
 - + Phía Bắc giáp đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A).
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Cơ sở thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 335.922.000 đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật đầu tư công năm 2019, cơ sở có tiêu chí tương đương dự án nhóm C.
- Cửa hàng xăng dầu Số 1 đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Quảng Trị cấp Phiếu xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 63/MTg ngày 16/6/2003 và UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 1979/QĐ-UBND ngày 24/7/2020.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

- Cửa hàng xăng dầu Số 1 có diện tích 1.320 m² với sức chứa xăng dầu bao gồm 03 bể chìm với tổng dung tích 55 m³ (01 bể chứa xăng 15 m³; 01 bể chứa dầu 25 m³ và 01 bể không sử dụng 15 m³) và có 04 cột bơm (02 cột đơn bơm xăng và 02 cột đơn bơm dầu).

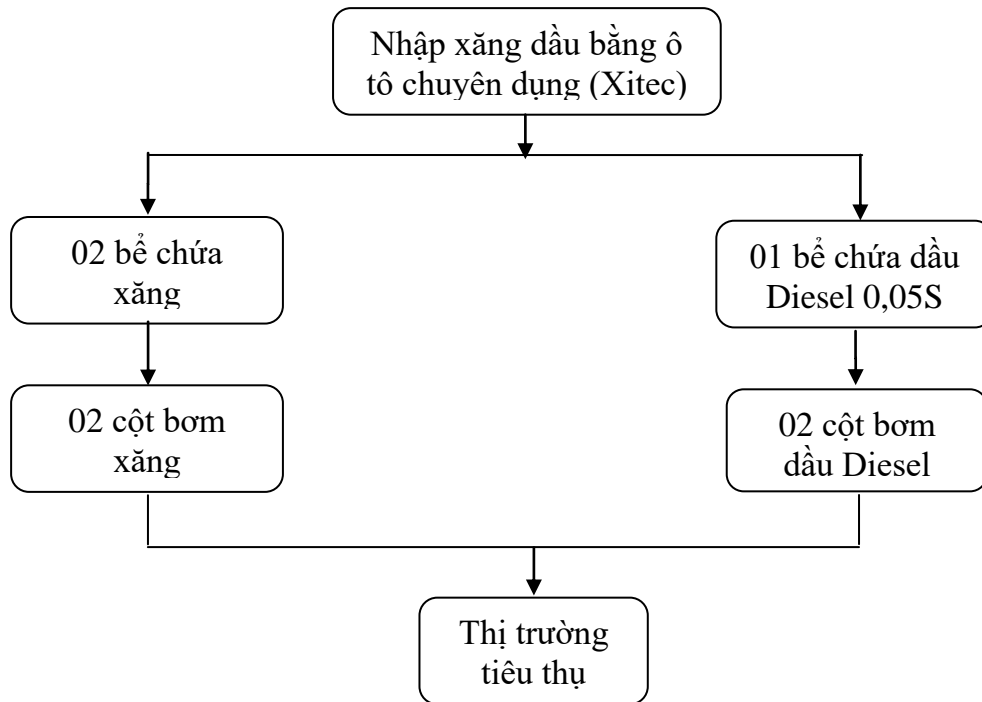
- Công suất hoạt động:

Bảng 1.1. Công suất hoạt động của Cửa hàng

TT	Loại sản phẩm	Số lượng (m ³ /năm)
1	Xăng A95	360
2	Dầu Diesel 0,05S	300
3	Dầu nhờn	1,8

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng được thể hiện ở hình 1.1:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình công nghệ xuất nhập xăng dầu của Cửa hàng

Thuyết minh quy trình:

Xăng dầu được vận chuyển đến Cửa hàng bằng ô tô xitec và được nhập vào các bể chứa ngầm bằng hệ thống họng nhập kín và sử dụng hệ thống thu hồi hơi để hạn chế tối đa lượng xăng dầu thất thoát do bay hơi.

Trong quá trình nhập xăng dầu, ô tô xitec được đấu nối với hệ thống tiếp đất đảm bảo dẫn điện tốt để tránh xuất hiện tĩnh điện gây cháy nổ khi nhập hàng.

Xăng dầu từ bồn chứa được xuất bằng hệ thống thép đi ngầm dưới đất dẫn đến các cột bơm sau đó bơm cho các phương tiện tùy theo số lượng của khách hàng.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là kinh doanh xăng, dầu, dầu nhờn với khối lượng trung bình mỗi tháng được thể hiện rõ ở bảng 1.1.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu

Nguồn nhiên liệu của Cửa hàng được nhập khẩu từ Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL miền Trung tại Quảng Trị thông qua hệ thống vận chuyển xe bồn chuyên dụng với khối lượng được thể hiện tại bảng 1.1.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước của cơ sở

- Điện: Nguồn cung cấp điện cho Cửa hàng được lấy từ mạng lưới hạ thế chung của khu vực điện áp 380/220V. Điện phục vụ cho các hoạt động bơm xuất hàng, chiếu sáng, sinh hoạt của công nhân là 700 kW/tháng.

- Nước: Nguồn nước do Nhà máy cấp nước Quảng Trị - Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Trị cấp. Nhu cầu sử dụng nước tính theo Tiêu chuẩn dùng nước và nhu cầu dùng nước được tính theo TCXDVN 33:2006 - Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

TT	Thành phần dùng nước	Định mức sử dụng	Nhu cầu sử dụng (m ³ /ng.đ)
1	Nước cấp cho sinh hoạt (03 CBCNV)	$Q_{SH} = 80 \text{ L/người/ng.đ}$	0,24
2	Nước cấp cho 10 khách vãng lai (ước tính hệ số sử dụng nước 50%)	$Q_{SH} = 80 \text{ L/người/ng.đ}$	0,4
3	Nước dịch vụ công cộng	$Q_{CC}=10\% Q_{SH}$	0,064
4	Nước công nghiệp dịch vụ	$Q_{CN}=10\% Q_{SH}$	0,064
5	Nước thất thoát	$Q_{TT}=15\% Q_{SH}$	0,096
6	Công suất trung bình/ngày	$Q_{TB}=(1+2+3+4+5)$	0,864
7	Công suất lớn nhất/ngày (K=1,3)	Q_{max}	1,12
9	Nước súc rửa bồn (m ³ /lần) (*)		2

Ghi chú: K là hệ số dùng nước không điều hoà ngày (tính toán đến các tổ chức đời sống xã hội, chế độ làm việc và nhu cầu thay đổi dùng nước theo mùa). Chọn $K_{ngày-max} = 1,3$ (Tiêu chuẩn TCVN 33-2006 $K_{ngày-max}: 1,2-1,4$).

(*) Định mức thực tế theo các công trình có quy mô tương tự của Chủ dự án đang hoạt động.

Vậy, tổng lượng nước cấp cho Cơ sở khoảng ~ **1,12 m³/ngày**.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1 Các hạng mục công trình của Cửa hàng

Cơ sở Cửa hàng xăng dầu Số 1 có tổng diện tích 1.320 m² với quy mô hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.3. Quy mô các hạng mục của cơ sở

TT	HẠNG MỤC	Đơn vị	Quy mô
I	Các hạng mục chính		
1	Văn phòng làm việc	m ²	50
2	Kho, bể chứa xăng dầu	m ²	250
II	Các hạng mục phụ trợ		
3	Hệ thống mương thoát nước	m ²	10
4	Bể chứa cát và cấp nước PCCC	m ²	5
5	Sân bãi bê tông	m ²	200
III	Hạng mục BVMT		
6	Bể tách dầu mỡ	m ²	3
7	Kho chứa CTNH	m ²	5
IV	Các hạng mục khác		
8	Nhà vệ sinh	m ²	20
9	Hàng rào, cây xanh	m ²	200
10	Đất dự phòng, diện tích khác	m ²	577
Tổng		m²	1.320

- Số lượng CBCNV trong Cửa hàng: 3 người.

- Số lượng khách vãng lai/ngày: 10 người.

5.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa: Hiện trạng trong khu vực Cửa hàng đã xây dựng mương thoát nước thu nước mưa từ mái che cột bơm, nhà làm việc, sân bãi bê tông. Hệ thống mương thoát nước có kích thước (D×R×C) = 21,3×0,3×0,5)m phía trước Cửa hàng, sau đó dẫn vào lửng dầu mỡ nằm ở góc phía Đông Bắc và thoát ra hệ thống thoát nước chung trên Quốc lộ 1A.

- Nước thải vệ sinh sân đường có dầu rơi vãi và nước mưa chảy tràn trên sân đường được thu gom về bể tách + lửng dầu mỡ có kết cấu bằng bê tông, nắp đáy đan thép, được đặt góc phía Đông Bắc của Cửa hàng với kích thước như sau:

+ Ngăn 1: (D×R×C) = (0,9×1×1)m;

+ Ngăn 2: (D×R×C) = (0,9×1×1)m.

Nước thải sau khi được lửng lọc thì thoát ra hệ thống mương thoát nước chung trên Quốc lộ 1A.

- Đối với văng dầu thu gom từ bể lửng, Cửa hàng đã thu gom vào thùng

chứa 60 lít và lưu giữ tại kho CTNH có diện tích 5 m² có kết cấu bằng gạch xi măng và nằm ở góc phía Tây Nam của Cửa hàng.

b. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của 3 CBCNV và 10 khách vãng lai tại Cửa hàng được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5 m³ đã được xây dựng ở góc phía Tây Nam của Cửa hàng. Hệ thống nhà vệ sinh có kết cấu bê tông, nắp đáy đan bê tông cốt thép, đáp ứng nhu cầu hiện tại của CBCNV và khách vãng lai.

c. Công trình và biện pháp xử lý chất thải rắn, CTNH

- Đối với CTR thông thường: CTR sinh hoạt của 3 CBCNV và khoảng 10 khách vãng lai/ngày được thu gom vào thùng chứa rác 30 lít đặt tại các vị trí ra vào Cửa hàng.

- Đối với CTNH hiện đang được thu gom vào thùng chứa 60 lít sau đó lưu giữ tại kho CTNH có diện tích 5 m² nằm ở phía Tây Nam Cửa hàng.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NẲNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc Quy hoạch phát triển Thương mại Quảng Trị đến năm 2020, định hướng cho các năm tiếp theo. Trong đó có nêu rõ:

Xây dựng lộ trình cải tạo, nâng cấp hoặc chuyển đổi cụ thể theo từng giai đoạn cho các Cửa hàng bán lẻ xăng dầu chưa đủ điều kiện. Sau năm 2020 tất cả các Cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh phải có đủ diện tích và đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu quy định cửa hàng xăng dầu tiếp giáp với công trình xây dựng khác phải có tường bao kín có chiều cao không nhỏ hơn 2,2 m (so với cốt nền sân bên trong cửa hàng), bằng vật liệu không cháy. Đối với các hạng mục công trình dân dụng và các công trình xây dựng khác ngoài cửa hàng (không bao gồm nơi sản xuất có phát lửa hoặc tia lửa và công trình công cộng) có bậc chịu lửa I, II, trường hợp mặt tường về phía cửa hàng xăng dầu là tường ngăn cháy thì không yêu cầu khoảng cách an toàn từ hạng mục đó đến tường rào cửa hàng xăng dầu nhưng phải tuân thủ các quy định về xây dựng hiện hành.

Hiện tại xung quanh cửa hàng đã xây dựng tường cao có kết cấu bằng bê tông xi măng chống cháy đảm bảo đúng theo quy định.

- Theo QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu quy định khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng là 3,5 m (giảm 30% do cửa hàng có lắp hệ thống thu hồi hơi xăng dầu).

Do đó, khoảng cách an toàn từ bể chứa và cột bơm đến công trình bên ngoài cửa hàng đảm bảo theo quy định.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải của khu vực chưa được ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

Mặt khác, quá trình hoạt động đến nay chủ cơ sở đã thực hiện giám sát môi trường hàng năm, qua kết quả quan trắc giám sát vào năm 2023 (*thể hiện rõ tại*

Chương V) cho thấy kết quả quan trắc nước thải, không khí, độ ồn tại Cửa hàng nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định. Điều đó cho thấy, hoạt động của Cửa hàng có tác động không lớn đến môi trường xung quanh.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Lượng nước mưa chảy tràn trên mặt sân, nước vệ sinh sân đường phía trước nhà bán hàng và mái che cột bơm được xác định theo công thức (TCVN 7957:2008 - Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - tiêu chuẩn thiết kế):

$$Q = q \times C \times F$$

Trong đó:

Q - Lượng nước mưa chảy tràn;

F - Diện tích mặt đường nội bộ: 200 m²;

q - là lượng mưa tháng lớn nhất trong vòng 05 năm gần đây (2015-2021) có giá trị 2.254,3mm (tháng 10/2020 - Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị).

C - Hệ số dòng chảy, C = 0,75 tương ứng với mặt phủ bê tông;

Vậy: $Q = 200 \text{ m}^2 \times 2,2543 \text{ m} \times 0,75 = 338,1 \text{ m}^3/\text{tháng}$, tương đương 11,27 m³/ngày (0,47 m³/giờ).

Khi có mưa, nước mưa chảy qua khuôn viên Cửa hàng sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt đất xuống hệ thống rãnh thoát nước có kích thước (D×R×C) = (21,3×0,3×0,5)m phía trước Cửa hàng.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của 3 CBCNV làm việc tại Cửa hàng và khoảng 10 khách vãng lai/ngày.

- Thành phần: Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các loại vi khuẩn, các chất hữu cơ, các chất rắn lơ lửng.

- Tải lượng: Dựa vào nhu cầu sử dụng nước đã nêu ở chương I thì lượng nước thải thực tế tại Cửa hàng khoảng 0,64 m³/ngày.

- Đối với nước thải sinh hoạt thải ra từ khu vệ sinh được thu gom và dẫn qua bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 5 m³ để xử lý. Nhà vệ sinh được bố trí ở góc phía Tây Nam Cửa hàng.

1.3. Xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sản xuất

Để xử lý nước mưa chảy tràn trên sân bãi bê tông cuốn theo dầu mỡ thải, chủ cơ sở đã xây dựng hệ thống bể tách + lắng dầu mỡ có kết cấu bằng bê tông, có nắp đậy, đặt góc phía Đông Bắc của Cửa hàng với kích thước như sau:

+ Ngăn 1: $(D \times R \times C) = (0,9 \times 1 \times 1) \text{m}$;

+ Ngăn 2: $(D \times R \times C) = (0,9 \times 1 \times 1) \text{m}$.

Tổng thể tích khoảng $1,8 \text{ m}^3$, tương đương với xử lý nước thải của những trận mưa kéo dài khoảng 04 giờ.

Nước thải sau khi được tách dầu mỡ và lắng cặn (bùn đất) sẽ thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực. Đối với váng dầu thu gom từ bể lắng, được đưa vào thùng chứa 60 lít sau đó lưu trữ tại kho chứa CTNH có diện tích 5 m^2 nằm phía Tây Nam Cửa hàng.

Để đánh giá chất lượng nước thải là nước mưa chảy qua khuôn viên Cửa hàng cuốn theo các chất ô nhiễm trên bề mặt sau khi qua hệ thống xử lý, báo cáo tiến hành tham khảo kết quả giám sát chất lượng nước thải năm 2023 do Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện, kết quả thể hiện tại bảng 5.1 cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B).

b. Đối với nước thải sinh hoạt

Để xử lý nước thải sinh hoạt của 3 CBCNV và các khách ra vào Cửa hàng, chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 5 m^3 đã được xây dựng vào góc phía Tây Nam Cửa hàng để phục vụ cho quá trình sinh hoạt của CBCNV.

Chức năng của bể tự hoại là lắng và phân huỷ cặn lắng nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: Phần lắng và phần phân huỷ cặn.

Tính toán kích thước của bể tự hoại:

Dung tích bể tự hoại được xác định theo công thức sau:

$W = W_n + W_c$. Trong đó:

W_n : Thể tích phần nước của bể; (m^3)

W_c : Thể tích phần phân huỷ cặn của bể; (m^3)

+ Trị số W_n có thể lấy bằng 1 đến 3 lần lưu lượng nước thải trong một ngày đêm tùy thuộc yêu cầu vệ sinh.

Q_n : Lượng nước thải thực tế trong một ngày đêm; (m^3)

Ở đây chọn: $W_n = 2Q_n = 2 \times 0,64 \text{ m}^3 / \text{ngày.đêm} = 1,28 \text{ m}^3$.

+ Trị số W_c được xác định theo công thức sau:

$W_c = [a \times T \times (100 - W_1) \times b \times c] \times N / [(100 - W_2) \times 1.000]$ (m^3). Trong đó:

a : Lượng cặn của một người thải ra một ngày ($0,5 - 0,8 \text{ lít/người.ngày.đêm}$)

T : Thời gian giữa 2 lần lấy cặn, chọn: $T = 365 \text{ ngày}$.

W_1, W_2 : độ ẩm của cặn tươi và cặn khi lên men, (%). Chọn: $W_1 = 95\%$, $W_2 = 90\%$.

b : Hệ số giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7.

c: Hệ số để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn (20%) và lấy bằng 1,2.

N: Số người mà bề phục vụ 13 người

$$\Rightarrow Wc = [0,8 \times 365 \times (100 - 95) \times 0,7 \times 1,2 \times 13] / [(100 - 90) \times 1.000] = 1,59 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại là $1,28 + 1,59 = 2,87 \text{ m}^3$. Hiện tại, Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hầm tự hoại có thể tích 5 m^3 , nằm ở phía Tây Nam Cửa hàng, đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Trong quá trình hoạt động của cơ sở đã phát sinh ra khí thải, bụi từ hoạt động ra vào Cửa hàng của các phương tiện giao thông. Hơi xăng dầu bay hơi khi nhập, xuất xăng dầu. Ngoài ra, khí thải còn phát sinh từ quá trình phân hủy chất thải rắn hữu cơ, từ những nơi chứa rác, khu vệ sinh...

Tuy nhiên, qua kết quả giám sát của cơ sở tại chương V cho thấy kết quả quan trắc không khí xung quanh tại cơ sở nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép theo quy định. Điều đó cho thấy, hoạt động của Cửa hàng tác động không lớn đến CBCNV, người dân trong khu vực.

Nhưng để hạn chế đến mức thấp nhất hơi xăng dầu khuếch tán ra môi trường bên ngoài, cơ sở đã áp dụng có hiệu quả các biện pháp như sau:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống xuất, nhập, hệ thống van thở, tuân thủ theo các yêu cầu của QCVN 01:2013/BCT quy chuẩn quốc gia về Cửa hàng xăng dầu - yêu cầu thiết kế.

- Xe ô tô để vận chuyển xăng dầu phải là xe chuyên dụng được thiết kế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Thường xuyên tập huấn và huấn luyện công nhân thực hiện các nguyên tắc và thao tác bơm cẩn thận trong quá trình bán xăng dầu.

- Tổ chức vệ sinh hằng ngày trên toàn bộ mặt bằng khu vực Cửa hàng.

- Trang bị áo quần, găng tay, khẩu trang cho công nhân lao động.

- Hằng ngày, công nhân của Cửa hàng sẽ tiến hành phun nước nhằm hạn chế bụi phát sinh do gió hoặc do các phương tiện ra vào Cửa hàng.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Nguồn phát sinh chất thải rắn từ quá trình sinh hoạt của 4 cán bộ, công nhân của Cửa hàng và khoảng 10 khách vãng lai/ngày. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ hoa quả, giấy vụn, túi nilon, chai, lọ... Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh thực tế tại Cửa hàng khoảng 2 kg/ngày . Hiện tại Cửa hàng đã thực hiện các biện pháp thu gom và xử lý như sau:

- Bố trí thùng chứa rác 30 lít tại vị trí ra vào Cửa hàng để thu gom rác, sau

đó định kỳ sẽ được đơn vị thu gom rác của Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường Đô thị Quảng Trị mang đi xử lý.

Biện pháp này hiện đang được áp dụng có hiệu quả, do đó trong thời gian tới Cửa hàng sẽ tiếp tục áp dụng.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Hoạt động của Cửa hàng phát sinh các chất thải nguy hại như sau:

Bảng 3.1. Thống kê chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Khối lượng/tháng (kg)
1	Dầu rơi vãi, rò rỉ	0,5
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	1
3	Các loại thùng, can nhựa	1
4	Bùn thải sau khi tách dầu/nước	0,5

Các chất thải này sẽ được thu gom, phân loại vào các thùng chứa 60 lít và đưa về kho chứa CTNH có diện tích 5 m², có kết cấu bằng tường xây, nền xi măng, được xây dựng ở góc phía Tây Nam của Cửa hàng.

Hiện nay, toàn bộ CTNH tại Cửa hàng đã được thu gom vào các thùng chứa ở kho CTNH, tuy nhiên chưa có hợp đồng xử lý. Vì vậy, trong thời gian tới Cửa hàng sẽ hợp đồng với Công ty có chức năng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH trên địa bàn.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn tại Cửa hàng chủ yếu từ các phương tiện ra vào Cửa hàng để mua xăng dầu. Do đó, Cửa hàng sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quy định tốc độ các loại phương tiện khi ra vào Cửa hàng.
- Yêu cầu các phương tiện ra vào Cửa hàng hạn chế sử dụng còi xe, các trường hợp khi cần sẽ yêu cầu tắt máy trước khi vào Cửa hàng.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ

- Cửa hàng đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy số 26/ĐK-PCCC ngày 18/02/2014 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH.

- Toàn bộ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của Cửa hàng tuân thủ theo QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu trong phòng chống cháy nổ được bố trí như sau:

- + Trang bị các bình cứu hỏa cả trên xe đẩy cơ động và vách treo tường tại

nhà bán hàng, khu vực văn phòng, cột bơm xăng dầu. Trong đó, bình chữa cháy có xe đẩy MFZT35 loại 35kg có 01 bình. Bình chữa cháy MFZ8 có 4 bình, MFXL4 có 06 bình và 01 máy bơm nước. Các bình chữa cháy được bố trí tại các vị trí thuận tiện ở Cửa hàng, dễ nhìn thấy cùng với các chần sợi.

+ Trang bị các tiêu lệnh PCCC, keng báo cháy. Các biển báo và ký hiệu cấm lửa, không sử dụng điện thoại... ở các vị trí cần thiết như các cột bơm và phía trước nhà bán hàng, xung quanh vách tường.

- Các bể chứa xăng, dầu được chôn ngầm dưới cát, có hệ thống kết cấu neo bể chống đẩy nổi. Xung quanh bể có hệ thống cọc tiếp địa chống tĩnh điện đảm bảo an toàn tuyệt đối khi xe vào nhập hàng.

- Bố trí 1 bể chứa nước 1,5 m³ và 1 bể chứa cát 1,5 m³ sau bể chứa xăng dầu để đảm bảo phòng cháy chữa cháy.

- Toàn bộ đường ống xuất xăng, dầu ra cột bơm và hệ thống thu hồi hơi xăng được bọc vải thủy tinh bảo vệ và bố trí trong rãnh kín có đan bê tông cốt thép chịu lực. Rãnh kín dẫn các đường ống xuất bán xăng, dầu ra đúng các vị trí cột bơm.

- Các chi tiết của cụm bể chứa xăng dầu như họng nhập, van thở cùng hệ thống thu hồi xăng được thiết kế tuân thủ nghiêm ngặt theo QCVN 01-2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế Cửa hàng xăng dầu để đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng.

- Thường xuyên diễn tập công tác PCCC cho cán bộ công nhân viên Cửa hàng.

6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố tràn dầu

Hiểu rõ đặc thù các hoạt động của mình, Cửa hàng xăng dầu Số 1 luôn coi trọng công tác phòng chống và ứng phó với các sự cố có thể xảy ra. Công ty đã thiết kế hệ thống xuất, nhập xăng dầu theo đúng quy định, các vật liệu lưu chứa, đường dẫn được lựa chọn đúng chất lượng, đảm bảo bền bỉ, an toàn với thời gian. Hiện tại cơ sở đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại số 1979/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh.

Các phương tiện, trang thiết bị ứng phó mà Công ty đã trang bị như hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống điện chiếu sáng của Cửa hàng xăng dầu Số 1 và các trang thiết bị UPSCTD như chần sợi, giấy thấm, cát chữa cháy, phao quay để thu hồi dầu tràn không để phân tán rộng ra môi trường. Trong trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của Cửa hàng sẽ thông báo với cơ quan chức năng liên quan để ứng cứu kịp thời.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch ứng phó với sự cố tràn dầu theo quy định

như sau:

**** Quy trình chung:***

Tổ chức cứu nạn và khống chế nguồn gây dầu tràn: Khi xảy ra sự cố, trước tiên tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm (nếu có) và khống chế nguồn gây dầu tràn. Triển khai các công việc sau:

- Khi phát hiện sự cố, phải khống chế ngay nguồn gây dầu tràn ngay sau khi phát hiện sự cố, ngừng hoạt động xuất/nhập dầu tại Cửa hàng, đóng tất cả các van có liên quan, sơ tán nhanh chóng các phương tiện, con người đang có mặt tại Cửa hàng.

- Tiếp cận hiện trường, tìm mọi biện pháp cứu người bị nạn (nếu có) và di tản ra khỏi khu vực sự cố.

- Phối hợp tổ chức lực lượng, phương tiện đảm bảo đảm bảo phòng chống cháy nổ báo động đến các phương tiện, người dân xung quanh Cửa hàng tránh xa khu vực dầu tràn. Nghiêm cấm các hành vi phát sinh nguồn lửa, nguồn nhiệt trong vùng sự cố.

- Báo cáo tình trạng thực tế ban đầu về dầu tràn.

- Bảo đảm an toàn, an ninh khu vực sự cố.

**** Thông báo, báo động:***

- Khi xảy ra sự cố, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cho Cửa hàng trưởng/Đội trưởng đội UPSCTD, Cửa hàng trưởng thông báo cho Giám đốc Công ty/Trưởng BCĐ để BCĐ kịp thời có mặt chỉ đạo xử lý sự cố, quyết định phương án ứng cứu.

- Khẩn trương báo động đến toàn bộ nhân viên, khách hàng, người dân xung quanh ... để sẵn sàng ứng phó hoặc di tản ra khỏi vùng sự cố.

Tùy mức độ dầu tràn để quyết định mức độ thông báo, báo động.

**** Đánh giá sự cố:*** Mục đích nhằm xác định mức độ sự cố, cung cấp thông tin nhằm hướng dẫn, kiểm soát và ứng cứu.

- Các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá như vị trí và loại sự cố, ước lượng khối lượng dầu tràn, nguồn gây dầu tràn, loại dầu tràn, hướng gió, điều kiện thời tiết.

- Các thông tin cần xác định gồm:

+ Hướng di chuyển của vệt dầu;

+ Khả năng ảnh hưởng của dầu tràn;

+ Xác định nguyên nhân gây sự cố và khả năng tự ứng cứu ban đầu của bên gây sự cố, mức độ hỗ trợ của các cơ quan liên quan;

+ Mức độ thông báo/báo động;

+ Sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp an ninh để hạn chế việc tiếp cận dầu tràn.

+ Các hoạt động khả thi có thể thực hiện để kiểm soát nguồn dầu tràn, để chuyên hướng, ngăn chặn, cô lập và thu hồi dầu; làm sạch và khôi phục khu vực bị ảnh hưởng.

+ Thực lực của Đội Ứng phó sự cố tràn dầu (UPCSTD) tại hiện trường và các thiết bị ứng phó cần có để tiến hành thực hiện các hoạt động ứng phó;

+ Mức độ an toàn khi thực hiện các hoạt động kiểm soát, ứng phó.

** Lựa chọn phương án ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng ứng phó*

Để có phương án ứng phó có hiệu quả, nhiệm vụ quan trọng của Chỉ huy trưởng và Đội trưởng đội UPCSTD là lựa chọn phương pháp ứng phó và huy động trang thiết bị/lực lượng để tổ chức ứng phó.

- Chỉ huy trưởng (giám đốc Công ty) lựa chọn phương pháp ứng phó

- Đội trưởng Đội UPCSTD căn cứ quyết định phương pháp ứng phó của Chỉ huy trưởng, căn cứ vào thực tế hiện trường khu vực xảy ra sự cố để lập ra phương án ứng phó tại hiện trường.

- Huy động toàn bộ lực lượng/trang thiết bị của cửa hàng tham gia ứng phó. Ngoài ra có thể huy động hỗ trợ từ các đơn vị liên quan trong trường hợp cần thiết.

** Phương án ứng phó sự cố tại hiện trường:*

- Tìm mọi cách ngăn không cho dầu tiếp tục chảy ra môi trường; căn cứ vào tình hình thực tế tại hiện trường để sử dụng có hiệu quả các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu, PCCC, hệ thống thu gom tách ly dầu, bơm hút dầu... để tiến hành thu gom, xử lý dầu tại hiện trường.

- Tránh phát sinh nguồn ô nhiễm thứ cấp: thiết lập ranh giới rõ ràng giữa “vùng ô nhiễm” và “vùng sạch”, kiểm tra thường xuyên các thiết bị để tránh rò rỉ đảm bảo mọi dụng cụ phải kín...

- Mọi hoạt động ứng phó đều phải được thực hiện sao cho tính mạng và sự an toàn của lực lượng ứng phó nói riêng và con người nói chung được đảm bảo ở một mức độ cao nhất.

** Kết thúc hoạt động ứng cứu:*

- Sau khi hoàn thành công tác ứng phó hiện trường, môi trường đảm bảo, không còn nguy cơ cháy nổ, Chỉ huy trưởng ra lệnh kiểm tra, bảo trì, làm sạch và thu hồi các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác UPCSTD về vị trí ban đầu.

+ Các trang thiết bị trước khi ra khỏi khu vực sự cố phải được làm sạch

nhằm tránh ô nhiễm thứ cấp.

- + Thu hồi trang thiết bị, vật tư còn có khả năng sử dụng, tiến hành kiểm tra, bảo trì.
- + Tiến hành rà soát và có kế hoạch bổ sung các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu và PCCC đảm bảo đủ số lượng, chất lượng để sẵn sàng ứng phó.

- + Sửa chữa máy móc, thiết bị hư hỏng để nhanh chóng trở lại sản xuất.

- Xử lý dầu thu hồi và vật liệu nhiễm dầu:

- + Giảm thiểu chất thải tại nguồn: dọn sạch rác thải, đá, cỏ... (nếu có thể) nơi có thể tràn đến; tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

- + Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được chứa tạm thời một cách an toàn, tập trung về một địa điểm, ngăn không cho thấm tràn ra môi trường xung quanh và sau đó được chuyển đến nơi xử lý sau cùng.

Việc xử lý dầu phải do đơn vị có đủ năng lực thực hiện. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nhiễm dầu khi có sự cố xảy ra.

- Thực hiện công tác bồi thường thiệt hại (nếu có): thu thập thông tin, thiệt hại, lập các thủ tục và hồ sơ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, trong quá trình ứng phó tiến hành lập, các biên bản, báo cáo cần thiết để cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan chức năng theo dõi hoặc sử dụng trong công tác bồi thường thiệt hại.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của 3 CBCNV và 10 khách vãng lai/ngày.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải sinh hoạt phát sinh thực tế khoảng 0,64 m³/ngày.đêm, tương đương 0,026 m³/giờ.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, định kỳ khoảng 2 năm/lần thuê đơn vị hút hầm vệ sinh tại thị xã Quảng Trị để xử lý. Vì vậy, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với nước thải sinh hoạt.

1.2. Nước thải (nước mưa chảy tràn trên sân đường có dầu rơi vãi)

- Nguồn phát sinh nước thải: Theo QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu thì lượng nước thải phát sinh trên Cửa hàng là nước mưa chảy tràn trên khu vực nền có bãi nhiễm dầu. Vì vậy nguồn phát sinh nước thải của Cửa hàng chính là lượng nước mưa chảy tràn trên sân đường không có mái che có nhiễm dầu.

- Lưu lượng xả thải tối đa: Nước thải là nước mưa chảy tràn qua sân đường qua khu vực có dầu rơi vãi, với lưu lượng lớn nhất khoảng 11,27 m³/ngày, tương đương 0,47 m³/giờ.

- Dòng nước thải: Nước thải sau khi xử lý ở hệ thống xử lý nước thải đạt cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

- Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng thải: Chất lượng môi trường nước thảo sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt cột B của QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu. Nồng độ các chất ô nhiễm sau khi xử lý đạt giới hạn cho phép như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn ô nhiễm

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) - Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	120
3	COD	mg/l	150

4	Dầu mỡ	mg/l	30
---	--------	------	----

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại góc phía Đông Bắc của Cửa hàng. Tọa độ: X: 1851.655 m; Y: 599.868 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160°15', múi chiếu 3°). Nước sau xả thải tự chảy về cống thoát nước chung trên Quốc lộ 1A.

+ Phương thức xả thải: Gián đoạn, lượng nước thải chỉ phát sinh khi có mưa, sau khi chảy về hệ thống xử lý, nước thải sẽ tự chảy ra môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép với khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn phân tán như phương tiện giao thông, hơi xăng dầu. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương III. Do đó, chủ cơ sở không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép với tiếng ồn, độ rung

Quá trình hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh tiếng ồn, độ rung trong quá trình xuất, nhập dầu của các phương tiện. Các nguồn này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý phương tiện lưu thông ra vào khu vực Cửa hàng. Do đó, không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Để đánh giá được hiện trạng môi trường trong khu vực của Cửa hàng, báo cáo tham khảo báo cáo giám sát môi trường 2023 của Cửa hàng do Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) thực hiện. Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.1. Kết quả giám sát chất lượng môi trường nước thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B)
			T _{XTT}	
1	pH	-	7,1	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	46,0	120
3	COD	mg/l	49,2	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,3	30

Ghi chú: - QCVN 29: 2010/BTNMT (Cột B Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

- Vị trí lấy mẫu: Tại mương chứa nước thải của Cửa hàng xăng dầu Số 1.

- Thời gian lấy mẫu: 05/4/2023.

** Nhận xét:*

Từ kết quả phân tích ở bảng 5.1 cho thấy, tại thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số chất lượng nước thải được phân tích đều trong giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT (Cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí và tiếng ồn

Để đánh giá được hiện trạng môi trường không khí và tiếng ồn của Cửa hàng, báo cáo tham khảo báo cáo giám sát môi trường năm 2023 của Cửa hàng do Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An). Dữ liệu môi trường tại cơ sở như sau:

Bảng 5.2. Kết quả giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
			K _{XTT}	
1	Tiếng ồn	dB(A)	67,1	70 ⁽¹⁾
2	Bụi	µg/m ³	156,2	300
3	SO ₂	µg/m ³	62,1	350

Báo cáo đề xuất cấp GPMT Cơ sở: Cửa hàng xăng dầu Số 1

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
			K _{XTT}	
4	NO ₂	µg/m ³	54,8	200
5	CO	µg/m ³	2.695	30.000

Ghi chú: - QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Vị trí đo: Tại vị trí cách cửa ra vào Cửa hàng 5 m.

- Thời gian lấy mẫu: 06/4/2023.

*** Nhận xét:**

Kết quả tại bảng 5.2 cho thấy thời điểm giám sát năm 2023, tất cả các thông số tiếng ồn và không khí xung quanh đều trong giới hạn cho phép (QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn).

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Cơ sở chỉ có công trình xử lý nước thải sản xuất là nước mưa chảy tràn qua sân bãi không có mái che. Theo quy định tại khoản 5, điều 21, thông tư số 02/2022/TTT-BTNMT quy định việc quan trắc chất thải do chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Do đó, sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ Cơ sở sẽ lấy mẫu 3 ngày liên tiếp tại đầu ra để tiếp tục đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại Phụ lục XXVIII, XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do đó, không phải thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường, báo cáo công tác BVMT hàng năm

Kinh phí lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm của cơ sở là 5.000.000 đồng.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Thời gian từ năm 2020 đến nay cơ sở chưa tiếp nhận các đợt thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như sau:

+ Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 02/2019/BYT; QCVN 26/2016/BYT; QCVN 24/2016/BYT;

+ QCVN 08:2023/BTNMT – QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2023/BTNMT – QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 14:2008/BTNMT – QCKTQG về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 29:2010/BTNMT – QCKTQG về nước thải của kho và Cửa hàng xăng dầu.

- Cam kết thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu trong quá trình hoạt động của cơ sở làm nảy sinh các tác động tiêu cực, gây thiệt hại đến tài sản, sức khỏe của nhân dân, gây ô nhiễm môi trường và các sự cố môi trường trong khu vực.

- Cam kết lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến UBND thị xã Quảng Trị trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo, thực hiện theo Điều 119, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh;
- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC;
- Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu;
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến cơ sở.